

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 - VĨNH LONG

V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2026/DS-ST

Ngày: 23/4/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Gấm.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Thu Trang.
2. Ông Lê Văn Cảnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Lan Chi – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long.

Ngày 23 tháng 4 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 7 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 84/2026/TLSTDS ngày 02 tháng 3 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2026/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1.

Trụ sở chính: Số B L, phường G, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V - Tổng giám đốc.

Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện: Ngân hàng N1 – Chi nhánh G.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Giám đốc Chi nhánh G.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông T tham gia tố tụng: Bà Lương Thụy Thảo N – Chức vụ: Giám đốc phòng G1 thuộc A Chi nhánh G.

Bị đơn: Ông Võ Thanh T1, sinh năm 1982, bà Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Ấp X, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

Bà N có đơn xin vắng mặt, ông T1, bà L vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lương Thụy Thảo N trình bày:

Vào ngày 14/12/2023, giữa ông Võ Thanh T1, vợ là Lê Thị Mỹ L có ký hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202307555 với Ngân hàng N1 – Chi nhánh G và các giấy nhận nợ vay tiền mục đích chăm sóc vườn, chăn nuôi, mua sắm vật dụng gia đình với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 9%/năm và 10.5%/năm, lãi suất quá hạn 150% với lãi suất vay đã thoả thuận. Sau khi ký hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền gốc cho ông T1, bà L.

Cho vay không có bảo đảm, tuy nhiên để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng có giữ hộ của ông T1 và bà L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 05, tờ bản đồ 21 tại xã L, tỉnh Vĩnh Long. Đến kỳ hạn trả nợ là ngày 14/12/2024 nhưng ông T1 và bà L vẫn không thanh toán nợ. Ngân hàng đã gặp và làm việc, ông T1 có cam kết hẹn trả nợ nhiều lần nhưng không thực hiện. Do ông T1 và bà L đã vi phạm hợp đồng nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu:

Buộc ông T1, bà L phải trả số tiền nợ tạm tính đến ngày 23/4/2026 là 232.155.480 đồng (trong đó: nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 20.171.233 đồng, lãi quá hạn là 11.984.247 đồng và tiếp tục chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày 24/4/2026 cho đến ngày thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp ông T1 bà L không trả nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tất cả các tài sản của ông T1, bà L để thanh toán hết nợ.

Theo bản tự khai, biên bản hoà giải ngày 25/3/2026 bị đơn bà Lê Thị Mỹ L trình bày:

Vào ngày 14/12/2023, bà và chồng là ông Võ Thanh T1 có ký hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202307555 với Ngân hàng N1 – Chi nhánh G và các giấy nhận nợ vay tiền mục đích chăm sóc vườn, chăn nuôi, mua sắm vật dụng gia đình với số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn 12 tháng, lãi suất 9%/năm và 10.5%/năm, lãi suất thả nổi, lãi suất quá hạn 150% với lãi suất vay đã thoả thuận. Sau khi ký hợp đồng, ngân hàng đã giải ngân toàn bộ số tiền gốc cho vợ chồng bà.

Cho vay không có bảo đảm, tuy nhiên để đảm bảo cho khoản vay ngân hàng có giữ hộ của ông bà giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất 05, tờ bản đồ 21 tại xã L, tỉnh Vĩnh Long do ông T1 đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Do hoàn cảnh khó khăn nên vợ chồng bà chưa trả gốc và chỉ trả lãi cho ngân hàng đến ngày 03/3/2025 rồi ngưng cho đến nay. Hiện tại vợ chồng bà vẫn còn của Ngân hàng N1 – Chi nhánh G số tiền tạm tính đến ngày 25/3/2026 tổng cộng gốc và lãi là 230.032.877 đồng và đồng ý trả số tiền này và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 26/3/2026. Trong trường hợp không trả nợ thì ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, bán đấu giá tất cả các tài sản của ông bà để thanh toán hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Lương Thụy Thảo N có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn ông Võ Thanh T1, bà Lê Thị Mỹ L đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà N, ông T1 và bà L.

[2] Xét hợp đồng tín dụng: Giữa Ngân hàng N1 – Chi nhánh G và ông Võ Thanh T1, bà Lê Thị Mỹ L đã thỏa thuận ký kết Hợp đồng tín dụng số 7107LAV-202307555 ngày 14/12/2023 với tổng số tiền vay là 200.000.000 đồng, mục đích vay là chăm sóc vườn, chăn nuôi, mua sắm vật dụng gia đình, lãi suất chia thành 2 khoản: đối với khoản vay 100.000.000 đồng lãi suất 10.5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; đối với khoản vay 100.000.000 đồng (chăn nuôi) lãi suất 9%/năm, lãi suất quá hạn 150% lãi suất trong hạn. Sau khi nhận toàn bộ số tiền vay, ông T1, bà L có thực hiện trả lãi đến ngày 03/3/2025 rồi ngưng và cũng không trả tiền gốc theo đúng Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

[3] Hợp đồng này được hai bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, có hình thức và nội dung phù hợp với pháp luật nên có hiệu lực thi hành. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bên vay là ông T1 và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Số tiền còn nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 23/4/2026 tổng cộng là 232.155.480 đồng (trong đó: nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 20.171.233 đồng, lãi quá hạn là 11.984.247 đồng). Do ông T1 và bà L đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết nên Ngân hàng N1 khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà L phải trả số tiền vay và lãi phát sinh còn nợ nêu trên là có căn cứ và cần được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên Ngân hàng N1 không phải chịu án phí và được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.475.000 đồng. - Ông T1 và bà L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 100, 103 Luật các tổ chức tín dụng, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288 của Bộ luật Dân sự, Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng với ông Võ Thanh T1, bà Lê Thị Mỹ L.

Buộc ông Võ Thanh T1, bà Lê Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng N1 số tiền còn nợ tính đến ngày 23/4/2026 theo Hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202307555 ngày 14/12/2023 với tổng số tiền là 232.155.480 đồng (trong đó: nợ gốc là 200.000.000 đồng, lãi trong hạn là 20.171.233 đồng, lãi quá hạn là 11.984.247 đồng).

Kể từ ngày 24/4/2026 cho đến khi thi hành án xong, ông T1, bà L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 7107-LAV-202307555 ngày 14/12/2023 đã ký kết với Ngân hàng N1 – Chi nhánh G.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Hoàn trả cho Ngân hàng N1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.475.000 đồng (năm triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003039 ngày 23/02/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

- Ông Võ Thanh T1, bà Lê Thị Mỹ L phải có nghĩa vụ liên đới chịu là 11.607.774 đồng (mười một triệu sáu trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm bảy mươi bốn đồng).

Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Nơi nhận:

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Ngô Thị Gấm

